

LIÊN MINH MÔI ĐỨC - NHẬT

TRONG KHÍ PHỐI HỢP SỨC MẠNH VÀ PHÁT TRIỂN CÁC CHIẾN LƯỢC LIÊN MINH CÔNG NGHIỆP, HAI QUỐC GIA NÀY CÓ THỂ HÌNH THÀNH MỘT TRỤC CÓ TÁC DỤNG CẢI THIỆN CƠ CẤU NHỮNG QUAN HỆ KINH TẾ THẾ GIỚI.

Trong khi sự suy thoái về kinh tế và tài chính gõ cửa nước Mỹ, trong khi các quốc gia phương Nam ngày càng sa lầy hơn trong cơn khủng hoảng và Châu Âu đang tìm kiếm đường đi của mình thì Đức và Nhật xuất hiện như hai cường quốc kinh tế và tài chính năng động nhất và bá quyền nhất.

Qua những đầu tư về công nghiệp và công nghệ, các tổ hợp xí nghiệp (Zaibatsu của Nhật và Konzerns của Đức) đã đổi mới và mở rộng phạm vi ảnh hưởng của họ. Sự lên giá đồng yen đã thúc đẩy việc thâm nhập của Nhật vào Đông Nam Á đến nỗi Bộ Thương mại quốc tế và Công nghiệp Nhật đã thành lập một nhóm làm việc nhằm vào việc cải tổ khu vực "thịnh vượng chung" này, và nó ngày càng mở rộng khu vực sinh lợi của Nhật Bản. Nhật là người đầu tiên đầu tư vào Malaisie trong khoảng hai năm 88 - 89, trước Đài Loan và Singapour, và phân nửa vốn đầu tư nước ngoài ở Thái Lan là của họ. Trong khi đó ở Châu Âu, việc thống nhất nước Đức, tư nhân hóa ở Đông Âu và việc tiến tới thị trường thống nhất vào năm 1993 đã thúc đẩy sự chuyển động của các Konzerns Đức, tỷ như việc hãng Volkswagen Đức đã chiếm lại hãng xe hơi lớn của Tiệp Khắc là Skoda.

Chính trong việc thiết lập lại thế quân bình toàn thế giới mà mối liên minh trực tiếp giữa các Zaibatsu và Konzerns xuất hiện, bước đầu xác lập một mô hình quan hệ mới đưa đến việc có thể hình thành một trục mới có tác dụng cải thiện cơ cấu những mối quan hệ thế giới.

Là hai cường quốc công nghiệp đứng hàng thứ hai và thứ ba trên thế giới, vào năm 1990, Nhật và Đức trở thành hai đầu tàu tăng trưởng, với sự gia tăng lần lượt là 6,1% và 4,5% tổng sản phẩm quốc gia - tổng sản phẩm nội địa (PNB - PIB), bỏ xa Pháp 2,5%, trong khi đó Anh (1,6%) và Hoa Kỳ (1%) lại

đang đi vào con đường suy thoái. Đó cũng là hai quốc gia xuất khẩu hàng đầu. Trong năm 1989, xuất khẩu của Đức chiếm 13% xuất khẩu thế giới (320 tỷ đô-la) trên cả Nhật (266 tỷ đô-la, 11%) và Mỹ (245 tỷ, 10%). Từ 1980 đến 1989, xuất khẩu của Đức tăng 91% và của Nhật tăng 114%. Từ đó đưa đến sự thắng dư trong cán cân thanh toán: Năm 1990, Đức là 49 tỷ đô-la và Nhật 38 tỷ; trong khi đó Mỹ lại thâm hụt 104 tỷ đô-la và Anh là 30 tỷ.

CHỦ NỢ LỚN NHẤT HÀNH TINH

Sự thành công kinh tế và công nghiệp như thế kèm theo một sức mạnh về tài chính khổng lồ: năm năm liên tục nay, Nhật là chủ nợ đứng đầu thế giới. Trong năm 1990, thế giới đã nợ Nhật 400 tỷ đô-la, trong khi đó, trong mười ngân hàng hàng đầu thế giới thì hôm nay, có đến chín là của Nhật. Sức mạnh tích lũy đã thúc đẩy hai nước Nhật và Đức đóng một vai trò tài chính quốc tế ngày càng nổi bật so với Hoa Kỳ. Tháng 6/1990, Nhật đã duyệt xét lại phần góp vốn của mình trong Quỹ tiền tệ quốc tế (FMI), nó đã từ hàng thứ năm vươn lên đến hàng thứ nhì trong các cổ đông của FMI trong khi quỹ này giữ một vị trí ngày càng đáng kể trong sự trợ giúp quốc tế đối với các nước phía Nam. Cuối cùng, trong các quỹ dự trữ hối đoái của các quốc gia kỹ nghệ hóa, nếu đồng đô-la còn chiếm được 59% trong toàn bộ, thì đồng mark đã vươn lên đến 23%, trong khi đồng yen khiêm tốn hơn, chỉ chiếm 8%. Tuy nhiên, trước sự khủng hoảng tài chính của Mỹ, đồng mark và đồng yen dần dà củng cố vai trò tiền tệ quốc tế so với đồng đô-la.

Làm thế nào trong bối cảnh năng động của thế giới, những mối quan hệ Nhật - Đức bất kể trong các lĩnh vực thương mại, kỹ thuật hay công nghệ được hình thành? Nó thể hiện ở hai lĩnh vực: sự thống trị

của mỗi nước đối với khu vực ảnh hưởng của mình và những quan hệ ưu đãi đối với Hoa Kỳ. Những mối liên hệ về kinh tế, quân sự hay tài chính đặc biệt đã ràng buộc vào nhau giữa hai nước lớn thất trận với cường quốc chiếm đóng duy nhất hay chiếm ưu thế kể từ sau Thế chiến thứ hai vẫn còn nặng nề.

Trong những trao đổi mậu dịch của Nhật Bản, CHLB Đức đến năm 1989 đã đứng hàng thứ ba với 5,8%, chỉ sau Mỹ (34%) và Nam Triều Tiên (6%). Nó có vẻ còn khiêm tốn nhưng so với các nước khác trong CEE hoặc cả Châu Âu như Anh (3,9%) và Pháp (1,9%) thì vẫn hơn. Đức cũng là người cung cấp hàng đầu ở Âu Châu của Nhật (3,4%), sau Mỹ (23%), Nam Triều Tiên, Úc, Trung Quốc và Indonésie, nhờ ở phẩm chất của các sản phẩm chế biến công nghiệp. Những liên hệ mậu dịch giữa hai nước không ngừng tăng cường, mặc dù khởi đi rất thấp: năm 1979, Nhật Bản chiếm 2,7% hàng nhập khẩu của Đức, đến năm 1988 là 6,4%. Trong khi đó, CHLB Đức xuất sang Nhật tăng từ 1,3% lên 2,3%.

Tình hình còn thể hiện ở các nguồn đầu tư tư bản trực tiếp. Nếu trong năm 1988, Mỹ chiếm 54,7% số đầu tư nước ngoài ở Nhật so với 26,2% cho toàn bộ Châu Âu, thì chỉ với 6% so với tổng số đầu tư toàn cầu, chỉ riêng Đức đã chiếm 24% trong tổng số đầu tư Châu Âu ở Nhật Bản, nhờ sự tăng gia mạnh mẽ các nguồn đầu tư trong các năm 87-88 (tăng 268%). Cho đến 1989, vốn đầu tư của Đức ở Nhật là 144 triệu đô-la, trong khi nguồn tư bản Nhật ở Đức đã lên đến 1 tỷ 83 triệu đô-la. Như thế dần dần trong mọi lĩnh vực, những mối quan hệ trực tiếp đã biến Đức trở thành một bạn hàng ưu đãi của Nhật ở Tây Âu.

Còn về sự hình thành những mối quan hệ trong CEE, với số dân 325 triệu chưa kể 16,7 triệu của CHDC Đức cũ sáp nhập, CEE và Châu Âu rộng hơn đã trở thành một thị trường phát triển và mở rộng nhất cho những trao đổi và đầu tư (so với Mỹ: 248 triệu dân và Nhật: 123 triệu). Do việc dân Mỹ khó chịu, thậm chí đi đến chỗ bài Nhật, Châu Âu ngày càng trở nên hấp dẫn. Trong các năm 87-89, số đầu tư ở Nhật tại châu Âu tăng gấp bốn lần trong khi chỉ tăng 2,7 lần ở Mỹ. Với 45 tỷ đô-la đầu tư dồn lại trong năm 1989 (CEE và Hiệp hội Âu Châu về mậu dịch tự do - AELE), lần đầu tiên trong lịch sử nước Nhật, con số này đã vượt qua số đầu tư của Nhật với Châu Á (40 tỷ).

TỪ NGOẠI VI ĐẾN NHỮNG KHU VỰC

TRUNG TÂM

Sự xâm nhập hay đầu tư của Nhật vào Châu Âu là một diễn trình ba chặng. Trước nhất là sự gia tăng đầu tư ồ ạt bắt đầu từ năm 1987, điều này chứng tỏ Nhật quan tâm đến viễn ảnh của thị trường duy nhất Châu Âu rộng lớn vào năm 1993 và những diễn tiến ở Đông Âu. Phần đầu tư nước ngoài của Nhật dành cho Châu Âu từ năm 1951 đến 1987 là 15%, nhưng năm 1989 đã lên đến 21,9%. Thứ hai là những chiến lược khoan vùng đã thay đổi đáng kể: từ sự chọn lựa ban đầu ở khu vực ngoại vi (Ecosse, Irlande, Tây Ban Nha) đến hôm nay, vùng ưu tiên rộng lớn là các khu trung tâm của Anh, Pháp và Đức. Cuối cùng là một tiến trình chiến lược nhằm tới việc nắm lấy sự kiểm soát hoặc tham dự vào các công ty gốc Âu Châu như việc Fujitsu đã mua lại hãng tin học Anh ICL vào năm 1990.

Vào tháng Giêng năm 1990, các xí nghiệp công nghiệp Nhật ở Châu Âu đã lên đến con số 529, so với 411 xí nghiệp vào năm trước (tăng 28,7%), trong đó Đức với 89 xí nghiệp, đứng hàng thứ ba sau Anh (123) và Pháp (95). Nhìn chung, các ngành công nghiệp tin học, điện tử chiếm ưu thế, với 26% vốn đầu tư, đứng trên các ngành hóa học, cơ khí và xe hơi.

Nếu khảo sát đặc điểm của sự đầu tư Nhật Bản vào Âu Châu trong năm 1989, người ta nhận ra sự khác biệt rất rõ tùy theo từng quốc gia. Chỉ có 12% vốn đầu tư Nhật vào ngành công nghiệp Hà Lan so với 22,3% ở Anh và 26,7% ở Pháp. Quy chế của cường quốc công nghiệp và công nghệ là CHLB Đức đặc biệt linh hoạt, vì thế có đến 49% vốn đầu tư Nhật Bản được dành cho công nghiệp ở nước đó.

Nhưng không chỉ đầu tư nhằm vào công nghiệp không thôi. Từ năm 1986, các nhà tài chính Nhật đã chiếm một phần tư doanh số trong hoạt động của các ngân hàng nước ngoài tại Đức, nghĩa là 1% trong tổng doanh số hoạt động ngân hàng của nước này.

Sự nâng cao khả năng đầu tư của Nhật vào Đức giải thích sự có mặt của 20.000 người Nhật đang sinh sống ở đất nước đó (so với 30.000 ở Anh), mà riêng Dusseldorf đã có đến 7.000 người. Với doanh số hơn 12 tỷ đô-la, thành phố bên sông Rhin này trở thành trung tâm kinh tế Nhật Bản ở nước ngoài lớn hàng thứ hai, chỉ đứng sau New-York. ●

HOÀNG TUẤN lược dịch
(từ Le Monde Diplomatique, Mai 1991)